

Cách mạng và Lưu Đà

VUA HÀM NGHI (1872-1947)

Vị vua thứ 7 đời nhà Nguyễn, tên húy là Ứng Lịch con của Kiên Thái Vương (vị hoàng tử thứ 26 con của vua Thiệu Trị). Năm 1884 anh ruột là vua Kiến Phúc mất, lúc bấy giờ hai vị quan đại thần là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết làm phụ chánh sợ tôn những vị vua lớn tuổi khó kiểm chế và lại mất quyền của mình, hai ông liền đề nghị tôn Ứng Lịch lên ngôi vua đặt niên hiệu là Hàm Nghi. Lúc lên ngôi vua Hàm Nghi mới 12 tuổi. Lúc bấy giờ công việc ở triều đình Huế thật là rối ren. Mọi người đều trông thấy vận nước đã đến hồi điên đảo, sự mất còn chưa biết ngày nào. Triều thần lại chia làm 2 phe. Một phe chủ hòa còn một phe chủ chiến.

Về phía chủ hòa có: Trần Tiễn Thành, Nguyễn Hữu Độ, Gia Hưng Quận Vương. Về phe chủ chiến thì có: Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường. Với danh nghĩa Phụ Chánh Đại Thần, hai ông Thuyết và Tường nắm trọn hết cả quyền hành và công khai chứng tỏ hành động độc đoán. Hai ông Tường và Thuyết nhất định triệt hạ tất cả các quan chủ hòa và điều động các lực lượng kháng Pháp từ Trung ra Bắc. Tuân lệnh hai vị Phụ Chánh Đại Thần, Khâm Sai Hoàng Kế Viêm ra hoạt động tại Sơn Tây, Trương Quang Đản ở Bắc Ninh, Tạ Hiện ở Nam Định, Phạm Vũ Mẫn, Hoàng Văn Hoè, Nguyễn Thiện Thuật hoạt động ráo riết ở các tỉnh khác tại Bắc.

Tất cả các vị quan văn võ này đều thuộc vào hàng cao cấp của triều đình Huế cương quyết tranh đấu đến cùng vì đã hưởng ứng nhiệt liệt lời hịch Cần Vương. Phần thì bị Pháp phản đối, phần thì nhiều lần bị thất bại hai ông Hoàng Kế Viêm và Trương Quang Đản phải về Kinh, không phải là triều đình Huế thay đổi chính sách, nhưng bây giờ ông Nguyễn Văn Tường đã khéo léo ngoại giao với Pháp để cho ông Tôn Thất Thuyết ngấm ngấm tổ chức kháng Pháp. Tại miền Trung có đoàn quân Phản Nghĩa được tổ chức trong vòng bí mật và chờ ngày khởi nghĩa chống Pháp. Bấy giờ có lập ra một trường diễn võ để huấn luyện binh sĩ.

Tại Sơn Phòng lực lượng kháng Pháp lập ra một chiến khu có nhiệm vụ bên trong thì tiếp ứng cho các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, bên ngoài thì liên lạc với các miền thượng du Thanh Hóa và Nghệ An, và có đường rút sang Lào và Xiêm. Quân đội chiếm đóng khu này có trên một ngàn quân với 20 khẩu đại bác. Theo dự định, chiến khu Sơn Phòng là con đường rút quân của lực lượng kháng Pháp một khi cuộc đánh úp vào đồn Mang Cá bị thất bại.

Đất nước Việt Nam bấy giờ thật là vô cùng bi đát, chỉ trong vòng mấy tháng mà thay đổi ba vị vua: Dục Đức bị phế rồi bị giam vào nhà ngục cho đến chết. Hiệp Hòa bị bắt buộc phải dùng độc dược quyền sinh, Kiến Phúc thì bị đầu độc. Bên kia bờ sông Hương thì có toàn Khâm Sứ Pháp, bên này thì có triều đình Huế, hai chính sách riêng biệt dân chúng không biết phải theo bên nào. Do đó, sĩ phu có đặt ra hai câu thơ:

Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết,
Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường.

Có nghĩa là:

Một con sông mà có đến 2 nước, quyền lợi chống đối nhau, chính sách khác nhau thì mọi việc khó giải quyết. Trong bốn tháng mà thay đổi đến ba vua đó là điềm chẳng lành.

Khâm Sứ Rheinart trách cứ triều đình Huế tôn vua Hàm Nghi lên ngôi mà không xin phép trước nước Pháp. Đại Tá Guerrir từ ngoài Bắc đem 600 quân vào Huế để thị uy. Đại tá Guerrier và Khâm Sứ Rheinart vào Đại Nội (Huế) làm lễ tấn phong cho vua Hàm Nghi xong, rồi đòi đóng quân tại đồn Mang Cá, Trung Tướng của Pháp là Raoul De Courcy đem đại quân đến Huế đòi mở cửa chính Ngọ Môn cho quân đội viễn chinh Pháp kéo vào Hoàng Cung. Lại buộc quan Phụ Chánh Đại Thần Tôn Thất Thuyết phải thân hành sang tòa Sứ để giải quyết những yêu sách trên.

Xét qua về tình hình chung nước Việt Nam có thể rối loạn sau khi hòa ước Thiên Tân được ký kết vào ngày 27-4-1885, tức là vào niên hiệu Quang Tự thứ 11 năm Ất Dậu giữa đại diện của nhà Thanh là Lý Hồng Chương và đại diện của Pháp là Patenotre. Bấy giờ Pháp không còn lo mặt Trung Hoa trợ giúp cho Việt Nam, cương quyết dốc toàn lực để tiêu diệt cho kỳ hết những phần tử kháng Pháp và phong trào Cần Vương đang có mọi hoạt động chống Pháp quyết liệt.

Sau khi đem cả ngàn quân ở Bắc vào Huế. De Courcy bắt buộc Tôn Thất Thuyết phải qua Tòa Sứ để hội thương và buộc triều đình Huế phải ra lệnh cho sĩ phu và toàn dân phải tòng phục chính quyền

Bảo Hộ . Tướng De Courcy dự định khi Tôn Thất Thuyết qua tòa sứ hội, sẽ nhân dịp này bắt giữ Thuyết luôn, vì De Courcy biết Thuyết là người đứng ra tổ chức việc kháng Pháp , và là linh hồn của các nghĩa sĩ Cần Vương . Tôn Thất Thuyết biết rõ mưu định của Pháp, liền cáo bệnh không đi . De Courcy lại yêu sách nhiều việc cốt làm nhục. quốc thể Việt Nam như việc đòi vua Hàm Nghi phải bước xuống ngai vàng khi y đến triều kiến nhà vua . Lại bảo nếu Tôn Thất Thuyết ốm không đi được phải cho người dùng cáng khiêng ông qua Tòa Sứ . Tôn Thất Thuyết nhận thấy Pháp đòi hỏi quá đáng, nhất quyết không chịu . Chỉ để cho Nguyễn Văn Tường và Phạm Thân Duật thay thế sang hội đàm với De Courcy bên Tòa Sứ .

Có kẻ bị Pháp mua chuộc thông tin cho De Courcy biết là Tôn Thất Thuyết không hề đau ốm gì cả, mà chỉ giả vờ cáo bệnh thôi . Chính Thuyết đích thân đi kiểm soát các đồn trại và các kho súng đạn .

Ngày 22 tháng 5 năm Ất Dậu , tức nhằm ngày 5-7-1885, De Courcy ra lệnh khao thưởng binh sĩ, định đến sáng ngày hôm sau sẽ cho bộ hạ đến vây bắt Thuyết . Vào lúc 1 giờ đêm hôm ấy, Thuyết và Soạn cho bắn một phát đại bác làm hiệu lệnh để quân Nam nhất loạt tấn công vào đồn Mang Cá và tòa Sứ của Pháp . Trong lúc xuất kỳ bất ý, quân Pháp cũng rối loạn . Tuy nhiên, họ va6~n nghênh chiến và ở thế thủ chờ đến sáng ngày sẽ quyết định . Khi trời vừa dưng sáng, quân Pháp kéo cả thủy quân và lục quân phản công . Lại dùng những trọng pháo trên các pháo đài và chỏ trên tàu bắn vài qua bên phía bên kia sông Hương và làm thiệt hại binh sĩ và thường dân rất nhiều .

Những cung điện trong hoàng thành bị hư nhiều chỗ . Quân Pháp chia quân ra nhiều mặt tiến đánh hoàng cung . Hai đạo quân ta bên trong và bên ngoài đều không chống cự nổi bị tan rã hàng ngũ . Thấy tình thế quá cấp bách và nguy hiểm . Nguyễn Văn Tường vội vào trong Đại Nội yêu cầu vua Hàm Nghi xuất cung, có Hữu Quân Hồ Văn Hiến phò giá, vào lúc đầu giờ Thìn, vua Hàm Nghi thoát ra bằng cửa Tây Nam . Từ Dũ Thái Hậu ủy thác mọi việc cho Nguyễn Văn Tường ở lại tìm cách điều đình với Pháp để nghị hòa . Tôn Thất Thuyết chạy theo kịp đoàn quan quân hộ tống của vua Hàm Nghi, binh sĩ chỉ còn độ hơn trăm người . Bấy giờ quân Pháp cho treo cờ tam tài trên kỳ đài trước Hoàng Cung Huế .

Trong trận đánh tại kinh thành Huế trong đêm năm 22-5 năm Ất Mùi (1885), quân ta hoàn toàn thất' bại . Binh sĩ và thường dân chết đến vài ngàn người, khí giới và lương thực bị thiệt hại rất nhiều . Sáng ngày 23-5, quân ta rút khỏi Huế, xa giá vua Hàm Nghi nghỉ tại Quảng Trị . Nguyễn Văn Tường được lệnh ở lại Huế lo việc nghị hòa .

Trưa hôm ấy, ông Tường nhờ một vị Giám Mục tên là Caspard đưa ra gặp tướng De Courcy . Ông bị đưa ra trú tại Thương Bạc Viện và có Đại úy Schmitz canh giữ . Pháp buộc ông Tường nội trong vòng hai tháng phải thu xếp mọi việc ở triều đình Huế cho yên . Ông phải viết sớ ra Quảng Trị , xin rước Tam Cung, tức là Đức Từ Dũ Thái Hoàng Thái Hậu, mẹ của vua Dục Tông, và là mẹ nuôi của ba vua Dục Đức, Kiến Phúc và Đồng Khánh .

Trong lúc ấy , Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở, thuộc tỉnh Quảng Trị . Pháp treo giải thưởng 2000 lượng bạc ai cắt đầu được Tôn Thất Thuyết , và ai bắt được vua Hàm Nghi thưởng 500 lượng bạc . Đức Từ Dũ mấy lần viết thư khuyên cháu nên trở về, nhưng không có kết quả . Từ Trung ra Bắc, cờ Cần Vương nổi lên khắp nơi . Sau mọi biến cố kinh thành Huế thất thủ, triều đình Huế đều do viên Khâm Sứ Pháp quyết định mọi việc . Mọi hành động, mọi hoạt động , các quan Nam triều đều phải hỏi ý kiến tòa Khâm Sứ .

Tướng De Courcy cho gọi Sylvestre ở Bắc vào Trung để lo việc tổ chức một chính phủ lâm thời . Hoàng Thân Thọ Xuân được cử ra quyền Nhiếp Chính chính phủ này, và Nguyễn Văn Tường điều khiển Cơ Mật Viện . Lúc bấy giờ, Pháp thấy không thể nào khuyến dụ được vua Hàm Nghi trở về, liền theo lời đề nghị của Đức Từ Dũ, liền tôn Kiên Giang Quận Công lên ngôi vua, tức là vua Đồng Khánh . Vua Đồng Khánh là anh của vua Kiến Phúc và Hàm Nghi , bấy giờ 23 tuổi . Ngày 6 tháng 8 năm Ất Dậu, vua Đồng Khánh phải thân hành sang tòa sứ để làm lễ thụ phong . Vua Đồng Khánh tánh tình thật dễ dãi, nhu hòa, lại ưa thích trang sức và theo mới, nên Pháp rất hài lòng . Giữa lúc vua Đồng Khánh bước lên ngai vàng, thì Tôn Thất Thuyết lại tung ra bài hịch Cần Vương .

Trong bài hịch này, Thuyết dùng lời lẽ của vua Hàm Nghi kể lại việc người Pháp xâm lăng Nam Kỳ rồi lần lần định thôn tính luôn Trung Bắc Kỳ, dùng bạo lực để đặt nền thống trị trên toàn cõi Việt Nam . Pháp không những có dã tâm chiếm nước Việt, lại còn muốn nhục mạ triều đình nước ta, sỉ nhục sĩ phu gây cảnh sinh linh đồ thán . Nhà vua trách Nguyễn Văn Tường nỡ tham sinh úy tử, chạy theo kẻ địch, lại còn nhẫn tâm tìm bắt nhà vua nạp cho Pháp để lập công .

Vua Hàm Nghi lại kể lể nỗi thống khổ, đau đớn của Ngài từ khi rời kinh thành Huế, lặn lội nơi miền rừng núi, chỉ vì muốn tranh đấu để cứu vãn quê hương thoát khỏi sự kiềm tỏa của ngoại bang . Ngày hiệu triệu thần dân trong nước muôn người như một, hãy đồng tâm nhất trí, cố gắng giải thoát quê hương khỏi họa ngoại xâm, nêu cao tinh thần anh dũng của nòi giống Tiên Rồng trong việc kháng Pháp .

Lời lẽ trong bài hịch rất thống thiết, nên khi đọc xong bài hịch Cần Vương, nhiều người đã nhen ngòi uất hận, các nhân sĩ cương quyết vùng lên chống xâm lăng . Kết quả đem lại là nhiều phong trào Cần Vương nổi lên khắp trong nước . Ở Quảng Ngãi có Lê Trung Đình, ở Bình Định có Mai Xuân Thưởng, ở Quảng Nam có Nguyễn Huệ, ở Quảng Bình (Sông Gianh) có Lê Trực, ở Nghệ Tĩnh có Phan Đình Phùng, ở Thanh Hóa có Tống Duy Tân và Cầm Bá Thước, ở Ba Đình có Đinh Công Tráng, ở Bắc có Nguyễn Thiện Thuật cầm đầu phong trào Cần Vương, ở chiến khu Yên Thế có Hoàng Hoa Thám .

Sau đó, Tôn Thất Thuyết sang Trung Hoa có ý định là nhờ nhà Thanh giúp giúp cho công việc giải phóng quê hương khỏi tay người Pháp . Thuyết quyết định đi, vì cho rằng ngoài ông ra không có người nào khác có thể thay ông để bày tỏ tường tận về tình trạng của đất nước Việt Nam, sợ lỡ mất việc lớn . Ông qua đó, sẽ lấy danh nghĩa là người trong hoàng tộc, lại là Phụ Chánh Đại Thần, thống lãnh các lực lượng Cần Vương thì có lợi hơn .

Do đó, ông bắt đầu đi từ Hương Khê theo đường rừng ra Nghệ An qua Thanh Hóa, Lai Châu, lên Lào Kay, Vân Nam, rồi từ đó mới qua tỉnh Quảng Đông . Cùng đi với ông có viên Đề Đốc Trần Xuân Soạn, Võ Cử Nhân, Nguyễn Viết Tồn . Đi đến đâu, Tôn Thất Thuyết cũng cổ vũ phong trào kháng Pháp và không đi thẳng một đường , cho nên từ Hà Tĩnh ông sang qua đến Quảng Đông phải mất hết một năm trời .

Sang Trung Quốc, Thuyết và đoàn tùy tùng ở tại nhà Liêu Văn Chi độ ít hôm , rồi lên đường sang Vân Nam gặp viên Tổng Đốc tỉnh này là Sầm Xuân Huyền . Sau được sự giới thiệu của Huyền, Tôn Thất Thuyết lại đến gặp Tổng Đốc Quảng Tây là Trương Minh Kỳ . Nhờ người sau này, Thuyết được quen biết viên Thống Đốc Quảng Châu là Lý Hàn Chương, anh của Lý Hồng Chương, người đã ký kết Hòa Ước Thiên Tân với Patenotre trước đây .

Tại Quảng Đông, Tôn Thất Thuyết liền làm một tờ sớ trình lên Bắc Kinh cho vua nhà Thanh . Lúc bấy giờ Pháp liền cho người đến Bắc Kinh vận động với Lý Hồng Chương, đang làm chức Toàn Quyền Đại Thần triều Mãn Thanh . Lý Hồng Chương liền tâu với Tây Thái Hậu, chiếu theo đề nghị của Pháp, giữ Tôn Thất Thuyết ở huyện La Định, sau lại đem về huyện Thiên Quan . Vì bấy giờ nước Tàu đang bị các liệt cường Tây Phương bắt nạt, sau cuộc chiến tranh nha phiến với Anh, phải cắt đất cầu hòa, nên họ rất sợ thế lực của người da trắng .

Vì lẽ ấy, việc vận động xin nhà Thanh tiếp viện chẳng đem lại kết quả nào . Nước Tàu còn không giữ nổi, thì còn cứu viện cho ai được nữa . Nỗi buồn lo của Tôn Thất Thuyết bấy giờ không có bút mực nào tả cho hết được.

Đến năm 1912, Tôn Thất Thuyết mất tại Thiên Quan . Quân Pháp từ khi hay tin Tôn Thất Thuyết sang Trung Hoa cầu viện, liền cho đóng tại Quảng Bình một đạo quân để chặn đường phe kháng Pháp . Nhưng ở Thanh Hóa và Nghệ An, nghĩa quân hoạt động rất mạnh . Năm 1886 Hoàng Kế Viêm được vua Đồng Khánh phong làm An Phủ Kinh lược Đại Sứ ra Quảng Bình chiêu dụ vua Hàm Nghi và các văn thân, yêu cầu nhà vua và các quan tùy tùng trở về sẽ đượ hưởng địa vị như cũ . Việc chiêu dụ này bất thành, các lãnh tụ các đội Cần Vương không ai chịu nghe theo . Liên tiếp Đề Đốc Lê Trực bị thất bại , Nguyễn Phạm Tuân thất trận vì có người phản điem chỉ cho Pháp, bị tử thương, rồi Tôn Thất Thuyết sang Tàu cầu viện bị giữ luôn không về, vua Hàm Nghi vô cùng bối rối . Những đạo nghĩa quân và vây cánh của nhà vua bị tan rã lần hồi .

Pháp muốn bắt cho kỳ được vua Hàm Nghi, vì họ biết nhà vua là linh hồn của phong trào Cần Vương, nhà vua lại được tất cả các thần dân kính mến, nếu bắt chưa được vua Hàm Nghi thì không thể nào diệt các đảng Cần Vương được.

Nhưng Pháp không rõ tông tích của vua Hàm Nghi hiện thời ở đâu, nên không thể nào thực hiện dự định kia được . Ít tháng sau, có bọn phản quốc mách với Pháp rằng muốn bắt được vua Hàm Nghi cần phải mua chuộc tên Trương Quang Ngọc, người cầm đầu quân đội Mường, bấy giờ đang hầu cận bên vua luôn . Đại úy Pháp là Mouteaux liền dùng danh lợi bạc tiền mua chuộc được bọn tổng lý hạt Minh Cầm liên lạc với Trương Quang Ngọc .

Vốn là kẻ tiểu nhân, ham địa vị bạc tiền, tên Ngọc ứng thuận sẽ bắt sống vua Hàm Nghi, nhưng chưa dám hứa chắc ngày nào, vì còn phải chờ cơ hội thuận tiện để thi hành.

Bấy giờ bên cạnh vua Hàm Nghi có Tôn Thất Thiệp, con trai của Tôn Thất Thuyết là một trang thanh niên anh dũng, ngày đêm vẫn không rời nhà vua nửa bước. Bất cứ kẻ nào đề nghị với nhà vua xin về đầu thú với Pháp đều bị Thiệp giết ngay, nên Trương Quang Ngọc chưa dám hạ thủ. Nhóm nghĩa quân kháng Pháp do Lê Trực và Tôn Thất Đạm chỉ huy đều lưu động nay chỗ này, mai chỗ khác, không có một chỗ đồn trú nào nhất định.

Ngày 26 tháng 9 năm Mậu Tý, chính là ngày tuyệt vọng của vua Hàm Nghi, tan vỡ cả mộng khôi phục lại cơ đồ của tiền nhân, đánh dấu sự suy tàn của phong trào Cần Vương kháng Pháp. Vào lúc nửa đêm ngày 26-9, Trương Quang Ngọc âm mưu cùng với tên Đội cận vệ của vua Hàm Nghi là Nguyễn Đình Tình dẫn 20 tên thủ hạ người làng Thanh Lang và Thanh Cuộc đến làng Tả Bào bao vây căn lều của vua Hàm Nghi. Tôn Thất Thiệp đang ngủ, nghe có biến vội vùng dậy cầm gươm nhảy ra, bị bọn Trương Quang Ngọc xúm nhau đâm chết. Chúng xông vào lều, vua Hàm Nghi trông thấy tên Trương Quang Ngọc làm phản vô cùng tức giận, nhà vua liền cầm thanh gươm trao cho Ngọc và nói: "Mày cứ giết tao đi, còn hơn là bắt tao đem nộp cho Tây." Một tên trong bọn vội đến ôm sau lưng nhà vua, một tên khác nhảy tới giật thanh gươm trong tay vua Hàm Nghi. Từ khi bị bắt cho đến khi đưa đi, vua Hàm Nghi không chịu nói nửa lời. Nhưng khi ngồi một mình, Ngài uất ức chứa chan giọt lệ, thương khóc cho vận mạng của đất nước. Sáng hôm sau, bọn tên Ngọc vớng Ngài ra bến Ngã Hai, xuống bè đi hai ngày đến đồng Thanh Lang nộp Ngài cho Đại Úy Boulanger, đưa Ngài vào đồn Thuận Bài, gần bên tả ngạn sông Gianh. Rồi Ngài bị đưa xuống tàu về Thuận An. Sau đó vua Hàm Nghi bị đày sang Algérie, lúc bấy giờ Ngài mới 16 tuổi. Vua Hàm Nghi mất tại Algérie vào năm 1947.

+++++

VUA THÀNH THÁI (1871-1954)

Húy là Bửu Lân, vua thứ 9 triều nhà Nguyễn, con của Thoại Quốc Công Ưng Chân (Dục Đức). Thành Thái làm vua từ năm 1889 đến năm 1908. Lúc bị giam với mẹ trong ngục (vào năm 18 tuổi), ông được rước ra rồi đưa lên ngôi vua.

Khi nhận thức được quyền hành của Nam Triều cũng như của riêng ông đều nằm trong tay người Pháp, Thành Thái vô cùng bất mãn, trong tâm trí nhà vua lúc nào cũng có những tư tưởng chống Pháp. Trong lúc ra Hà Nội dự lễ khánh thành cầu Doumer, nhà vua đã bày tỏ tâm sự trong bài thơ sau đây:

Võ võ văn văn ý cấm bào
Ngã vi thiên tử độc gian lao
Tam bôi hoàng tửu quần lê huyết
Sổ trản thanh trà bách tính cao
Thiên lệ lạc dư nhân lệ lạc
Ca thanh cao xứ khắp thanh cao
Can qua thư hội hựu đàm luận
Lân tuất tương sanh phó nhị tào.

Tuy sở trường về Nho học, nhưng vốn là người thông minh, vua Thanh Thái cũng đã chịu ảnh hưởng rất lớn về tư tưởng của các nhà cách mạng Trung Hoa và Nhật Bản, do đó nhà vua muốn cải cách quốc gia mỗi ngày một tân tiến. Chính nhà vua đã cắt tóc ngắn, biết lái xuồng gαν máy và xe hơi bằng cách nghiên cứu trong sách vở Âu Tây.

Nhận thấy nhà vua có tinh thần cấp tiến, nhà cầm quyền Pháp vô cùng lo ngại, tìm mọi cách ngăn chặn. Muốn che mắt kẻ ngoại nhân dòm ngó có thể nguy hại đến đại cuộc, nhà vua giả như một kẻ điên rồi đại dốt. Nhưng thật ra nhà vua đã ngấm ngấm cổ võ và khuyến khích việc đưa thanh niên xuất dương du học, để dùng vào công cuộc tranh đấu sau này. Năm 1903, nhà vua dự định xuất ngoại, nhưng công cuộc không thành.

Năm 1907, Pháp dò biết được vua Thành Thái đã ngấm ngấm giao thiệp với phong trào Đông Du, với mục đích cầu viện nước Nhật, Toàn Quyền Đông Dương Bronnj và Khâm sứ Trung Kỳ là Leveque bắt ép nhà vua phải thoái vị và nhường ngôi cho Hoàng Tử Vĩnh San, tức là vua Duy Tân sau này. Pháp

đưa nhà vua vào an trí tại đảo Reunion (Phi Châu).

Hay tin vua Thành Thái bị truất phế, dư luận trong nước hết sức xôn xao sôi nổi. Các sĩ phu tại Kinh họp nhau thảo hịch kể tất cả những trọng tội của Trương Như Cương và đồng lõa âm mưu phế vua rất gắt. Bị giam giữ nơi quê người trên 30 năm trời. Mãi đến năm 1947 nhà vua mới trở lại quê nhà và 7 năm sau mất tại Saigon.

Lúc bị định cư tại Vũng Tàu, vua Thành Thái đã làm một bài thơ với những lời lẽ thống thiết như dưới đây :

Sống thừa biết có hôm nay
Nhìn thấy non sông đất nước này
Sừng ngựa chưa quên câu chuyện cũ
Ruột tằm đòi đoạn mối sầu Tây
Xuân Thành nghìn dặm mây mù mịt
Bể Cáp bốn bề sóng vỗ vầy
Tiếng súng đêm ngày nghe nhạc khúc
Dấu cho sắt đá cũng chau mày !

+++++

VUA DUY TÂN (1899-1945)

Tức là Nguyễn Vĩnh San, vị vua thứ 10 đời nhà Nguyễn (1907-1916), con thứ 5 của vua Thành Thái. Khi vua Thành Thái bị truất phế, Thái Tử Vĩnh San mới lên 8 tuổi được đưa lên ngôi vua. Tuy còn ít tuổi nhưng vua Duy Tân đã có một tinh thần ái quốc cao độ. Tương truyền nhà vua ngồi câu cá ở cửa Tùng (Quảng Trị) đã thốt lên một lời than ai oán :

Ngồi trên nước mà không thể ngăn được nước
Buông câu ra đã lỡ phải lần

Năm 1915, thừa dịp Pháp bận chiến tranh với Đức, vua Duy Tân bèn ngấm ngầm liên lạc với những đảng viên của Việt Nam Quang Phục Hội là Thái Phiên, Trần Cao Vân để mưu đồ khởi nghĩa chống Pháp, dự định vào ngày mùng 2 tháng 4 âm lịch, tức ngày 3-5-1916 thì phát động. Nhưng cuộc khởi nghĩa không thành, vì có người tố giác với thực dân Pháp trước. Do đó, giặc Pháp cho tước khí giới binh sĩ ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi vì sợ bị nội công. Vua Duy Tân không hay biết cơ mưu vỡ lở, đúng ngày mùng 2 tháng 4, lên ra khỏi Hoàng Thành, gói ấn tín bỏ ở cầu Tràng Tiền, rồi nhà vua cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân trốn đi. Nhưng lần quần bị Pháp bắt được ở Nam Giao. Về sau Thái Phiên và Trần Cao Vân bị xử chém, còn vua Duy Tân thì đưa về giam ở đồn Mang Cá (Huế), rồi đưa sang lưu đày ở đảo Réunion. Bấy giờ vua Duy Tân mới 17 tuổi.

Vua Duy Tân đã bỏ mình trong một tai nạn máy bay ở xứ Banghi (Phi Châu), trong khi phục vụ trong quân đội Đồng Minh với cấp bậc Thiếu Tá Không Quân, ngày 26-12-1945.

Ma'n sưu tầm